

Số: ~~1713~~/STC-QLG&CS

Tuyên Quang, ngày ~~17~~ 18 tháng 11 năm 2019

V/v đề nghị tham gia ý kiến (lần 3)
vào dự thảo Quyết định quy định mức tỷ lệ
phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất,
trả tiền thuê đất hàng năm không thông
qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất
đối với đất xây dựng công trình ngầm trên
địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi:

- Sở: Tư pháp, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải;
Công Thương;
- Cục Thuế;
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông báo số 55/TB-UBND ngày 14/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Kết luận cuộc họp về nội dung Dự thảo Quyết định Ban hành Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đất có mặt nước trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Báo cáo số 47/BC-STP ngày 20/3/2019 của Sở Tư pháp báo cáo kết

quả thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá và mức đơn giá thuê đất đối với xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ công văn số 796/CT-NVDTPC ngày 30/7/2019 của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang về cung cấp số liệu thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ công văn số 1357/STNMT-CCĐĐ ngày 11/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định Bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo số 183/BC-STNMT ngày 11/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện điều tra, xây dựng Bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Tham khảo một số Quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Phú Thọ, Ninh Bình, Bắc Kạn, Nam Định, Quảng Ninh... về tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất;

Căn cứ biên bản họp ngày 13/11/2019 của Sở: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*có bản dự thảo kèm theo*). Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị (*như mục kính gửi*) tham gia ý kiến; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố lấy ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn. Ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính, **trước ngày 25/11/2019**, bản mềm gửi qua địa chỉ email: quanlygiavacongsan_stc@tuyenquang.gov.vn và ghi rõ ở phần chủ đề, để Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét, quyết định theo đúng thời gian quy định.

(*Dự thảo Quyết định gửi qua địa chỉ thư điện tử của các cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi) và được đăng tải trên Website của Sở Tài chính theo địa chỉ: sotaichinh.tuyenquang.gov.vn*).

Rất mong sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị để Sở Tài chính hoàn thành nhiệm vụ./. *Sg*

Nơi nhận: *2b*

- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Như trên (P/h thực hiện);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông (để đăng tải);
- Website Sở Tài chính (để đăng tải);
- Phòng TC - KH các huyện, thành phố (tham gia);
- Phòng TN&MT các huyện, thành phố (tham gia);
- Lưu: VT, QLG&CS (M.Nga)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Khánh

Số: **2019/QĐ-UBND**

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất,
trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá;
đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2019 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân ban hành quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hàng

năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các trường hợp được quy định tại Điều 2 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>
I	ĐẤT SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	
1	Đất tại khu vực đô thị	
1.1	Thành phố Tuyên Quang	1,7
1.2	Các huyện	1,5
2	Đất tại nông thôn	
2.1	Đất tại các vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) các đầu mối giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch	
2.1.1	Thành phố Tuyên Quang	1,5
2.1.2	Các huyện	1,2
2.2	Đất tại khu vực nông thôn các vị trí còn lại	
2.2.1	Thành phố Tuyên Quang	1,0
2.2.2	Các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên	0,8
2.2.3	Các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa	0,6

Số TT	Nội dung	Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>
3	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	0,6
II	ĐẤT SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP; ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC VÀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	
1	Thành phố Tuyên Quang	0,7
2	Các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên	0,6
3	Các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa	0,5

2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm:

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất):

- Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm, đơn giá thuê đất được xác định bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê xác định bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định điểm a, khoản này.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp người sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cho phép thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước, có hợp đồng thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước đang trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất là 05 năm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục được ổn định đơn giá thuê đất cho thời gian còn lại và không phải xác định lại đơn giá thuê theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Quyết định này. Khi hết chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm thì thực hiện theo quy định tại quyết định này.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cho phép thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa thực hiện luân chuyển hồ

sơ để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mới thực hiện luân chuyển hồ sơ để xác định nghĩa vụ tài chính thì việc xác định đơn giá thuê đất theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại các Quyết định về xác định đơn giá thuê đất theo từng thời kỳ. Thời điểm áp dụng Quyết định về xác định đơn giá thuê đất là thời điểm Quyết định cho thuê đất, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

1. Giao Giám đốc sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm và thay thế Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với mục đích sử dụng đất và mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính thu tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN và Môi trường;
- UBMT tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 5 (Thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TP: KT, TH;
- Lưu: VT, ĐC, TC.

(Báo
cáo)

Phạm Minh Huân

BIỂU SO SÁNH MỨC TỶ LỆ % TÍNH ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT

(Kèm theo Công văn số: ~~8713~~ ⁸⁷¹³ /STC-QLG&CS ngày ~~18~~ ¹⁸ /11/2019 của Sở Tài chính Tuyên Quang)



Số TT	Nội dung	Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất		Chênh lệch (tăng, giảm)
		Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014	Dự kiến đề xuất	
1	2	3	4	5 = 4-3
I	ĐẤT SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP			
1	Đất tại khu vực đô thị			
1.1	Thành phố Tuyên Quang	2,5	1,7	-0,8
1.2	Các huyện	2,0	1,5	-0,5
2	Đất tại nông thôn			
2.1	Đất tại các vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) các đầu mối giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch			
2.1.1	Thành phố Tuyên Quang	2,0	1,5	-0,5
2.1.2	Các huyện	1,5	1,2	-0,3
2.2	Đất tại khu vực nông thôn các vị trí còn lại			
2.2.1	Thành phố Tuyên Quang	1,2	1	-0,2
2.2.2	Các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên	1,0	0,8	-0,2
2.2.3	Các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa	0,75	0,6	-0,15
3	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp	0,75	0,6	-0,15
II	ĐẤT SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP; ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC VÀ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN			
1	Thành phố Tuyên Quang	1,0	0,7	-0,3
2	Các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên	0,8	0,6	-0,2
3	Các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa	0,5	0,5	0

Ghi chú:

Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định: "Đất thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất một năm nhưng không quá 3%. Đất thuộc vùng sâu, vùng xa...vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất một năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 0,5%".

Biểu so sánh tỷ lệ % đơn giá thuê đất theo khu vực, vị trí của một số tỉnh thành

(Kèm theo Công văn số **413**/STC-QLG&CS ngày **18** tháng 11 năm 2019 của Sở Tài chính)

Số Quyết định	Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang	Tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất dự kiến kèm theo Tờ trình số 140/TTr-STC ngày 22/5/2019 của Sở Tài chính	Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Hà Giang	Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình	Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của UBND tỉnh Yên Bái	Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	Quyết định số 3306/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 8/5/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ	Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Kan	Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10/2/2015 của UBND tỉnh Nam Định	Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
1. Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất							1% cho toàn tỉnh				
1.1 Thuê đất sử dụng cho phi nông nghiệp											
Đất tại khu vực đô thị:											
- Trung tâm thành phố và các phường trung tâm	2,5%	1,7%	1,5%	1,2%	- 1,5% tại TP Yên Bái; - 1,3% tại thị xã Nghĩa Lộ	1,5%-2% theo từng phường		1% tại TX Phú Thọ, TP Việt Trì,	1,3% tại các phường; 1,1% tại các xã thuộc Thị xã	1,5%	1,25%
- Trung tâm các huyện	2%	1,5%	1%	1,1% các phường thuộc thị xã Tam Điệp và thị trấn thuộc huyện)	- 1,2% thị trấn trung tâm huyện - 1,1% các thị trấn khác thuộc huyện			0,8%-1% theo từng huyện	1,2% tại trung tâm huyện, 1% tại các xã thuộc huyện.	1%	1,25%
- Các xã			1,2% (KV1, VT1)	1,1% (thuộc TP Ninh Bình)				1%-1,2% theo từng xã			
- Khu vực còn lại thuộc xã			1%	1%							
Đất tại nông thôn:											
- Thuê đất tại vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông; Khu cửa khẩu, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch	2% tại TP Tuyên Quang; 1,5% tại các huyện		1%	0,75%	0,5%	1%				1,5%	0,5%
- Đất tại khu vực nông thôn các vị trí còn lại	- 1,2 % tại TP Tuyên Quang; - 1% tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa; - 0,75% tại các huyện Na Hang, Lâm Bình	- 1,0% tại TP Tuyên Quang; - 0,8% tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa; - 0,6% tại các huyện Na Hang, Lâm Bình	- 0,7% các xã được phân loại đường hoặc KV1, VT1 - 0,5% tại khu còn lại của xã		- 1,2% các xã còn lại thuộc TP Yên Bái; - 1% các xã còn lại thuộc huyện, thị xã						
Đất thuộc các xã vùng sâu vùng xa, có điều kiện kinh tế khó khăn, đất sử dụng làm mặt bằng SXKD của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư	0,75%	0,6%		0,5%	- 0,6%-0,8% theo từng xã (đất KV nông thôn; - 0,5% - 1% theo từng xã (thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư...))		0,5%	0,5%	0,5%		

Số Quyết định	Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang	Tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất dự kiến kèm theo Tờ trình số 140/TTTr-STC ngày 22/5/2019 của Sở Tài chính	Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Hà Giang	Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình	Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của UBND tỉnh Yên Bái	Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai	Quyết định số 3306/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 8/5/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ	Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10/2/2015 của UBND tỉnh Nam Định	Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
1.2 Thuê đất sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác	- 1% tại TP Tuyên Quang; 0,5-0,8% tại các huyện, - 0,5% tại các xã vùng sâu vùng xa, có điều kiện kinh tế khó khăn	- 0,7 % tại TP Tuyên Quang; - 0,5-0,6% tại các huyện, - 0,6 % đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.		0,5%	1% tại TP Yên Bái; 0,8% tại các xã thuộc TP Yên Bái; 0,9% tại TX Nghĩa Lộ; 0,7-0,75% tại thị trấn, 0,5% tại các xã khó khăn; 0,6% các xã còn lại thuộc huyện, thị xã				0,5%		0,5%
1.3 Khai thác khoáng sản								0,7%-1,2% theo từng khu vực	1%		
1.4. Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh						0,8%				0,75%	1%
2. Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm	25% đơn giá thuê đất trên bề mặt	25% đơn giá thuê đất trên bề mặt	30% đơn giá thuê đất trên bề mặt	10% đơn giá thuê đất trên bề mặt	25% đơn giá thuê đất trên bề mặt	30% đơn giá thuê đất trên bề mặt	30% đơn giá thuê đất trên bề mặt	20% đơn giá thuê đất trên bề mặt	- 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt (Công trình ngầm sử dụng vào mục đích bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật). - 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt (Công trình ngầm sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ)		30% đơn giá thuê đất trên bề mặt